

BÀI 3

QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

NỘI DUNG

- I. QUY PHẠM PHÁP LUẬT**
- II. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

I. QUY PHẠM PHÁP LUẬT (QPPL)

1.1 KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM CỦA QPPL

KHÁI NIỆM

Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo những định hướng và mục đích nhất định.

ĐẶC ĐIỂM CỦA QPPL

1

Quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung

10/25/21

2

Do NN ban hành và bảo đảm thực hiện

NGUYỄN THỊ LỆ THUY

3

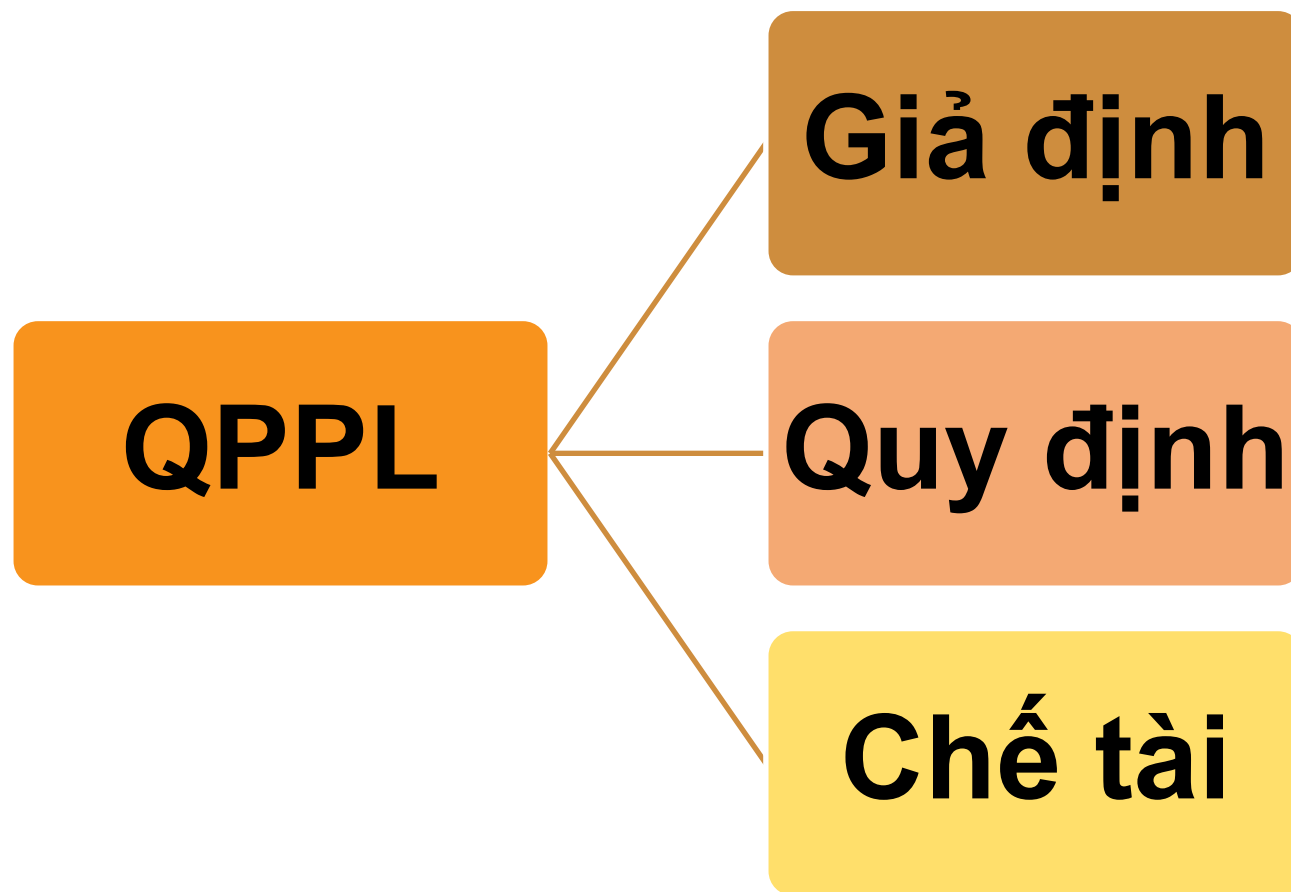
Chỉ ra các quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên tham gia quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh

4

Có tính hệ thống

4

1.2. CẤU TRÚC CỦA QPPL



1.2. CẤU TRÚC CỦA QPPL

a. Giả định

❖ **Khái niệm**

Là một bộ phận của QPPL nêu lên những điều kiện, hoàn cảnh (thời gian, địa điểm...) có thể xảy ra trong thực tế cuộc sống mà cá nhân hay tổ chức khi ở vào những hoàn cảnh, điều kiện đó phải chịu sự tác động của QPPL.

1.2. CẤU TRÚC CỦA QPPL

a. Giả định

❖ Dấu hiệu nhận biết

Trả lời cho câu hỏi

- Chủ thể nào (cá nhân/tổ chức)?
- Trong hoàn cảnh, điều kiện nào?

Ví dụ:

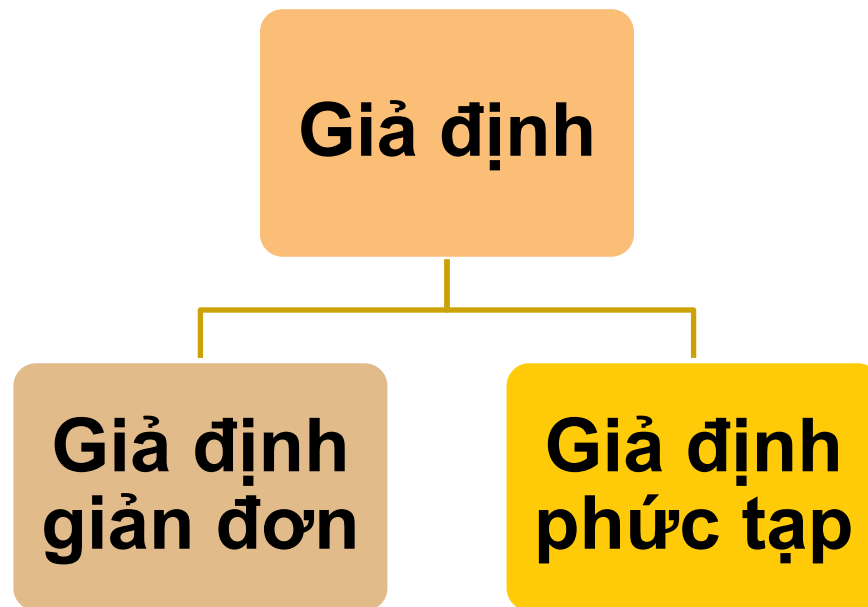
Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. (Khoản 1, Điều 171 BLHS 2015)

1.2. CẤU TRÚC CỦA QPPL

a. Giả định

❖ Phân loại

Căn cứ vào số lượng hoàn cảnh, điều kiện:



1.2. CẤU TRÚC CỦA QPPL

b. Quy định

❖ **Khái niệm**

*Là bộ phận của QPPL, trong đó nêu lên **cách thức xử sự** mà cá nhân hay tổ chức ở vào hoàn cảnh, điều kiện đã nêu trong bộ phận giả định được phép hoặc buộc phải thực hiện.*

1.2. CẤU TRÚC CỦA QPPL

b. Quy định

❖ Dấu hiệu nhận biết

Trả lời cho câu hỏi: Chủ thể sẽ xử sự như thế nào? (Được làm gì? Không được làm gì? Phải làm gì?)

Ví dụ:

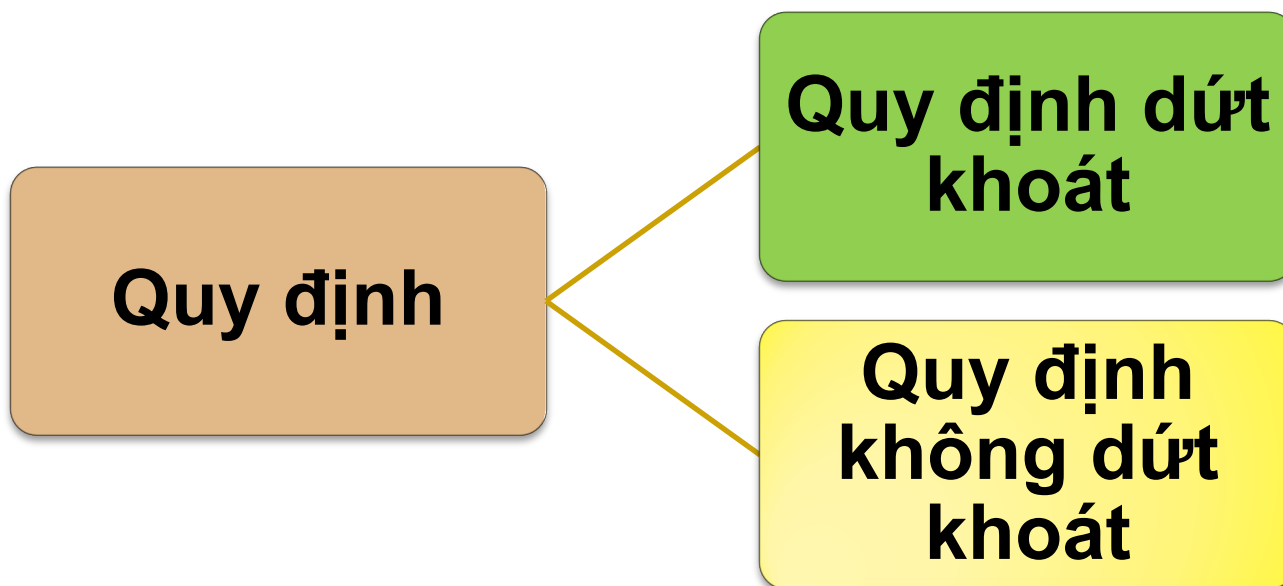
Mọi người có nghĩa vụ nộp thuế theo luật định. (Điều 47, Hiến pháp 2013)

1.2. CẤU TRÚC CỦA QPPL

b. Quy định

❖ Phân loại

Căn cứ vào mệnh lệnh được nêu lên trong bộ phận quy định:



1.2. CẤU TRÚC CỦA QPPL

c. Chế tài

❖ Khái niệm

Là một bộ phận của QPPL nêu lên **biện pháp tác động** mà Nhà nước dự kiến áp dụng đối với cá nhân hay tổ chức nào không thực hiện đúng mệnh lệnh của Nhà nước đã nêu ở bộ phận quy định của QPPL.

1.2. CẤU TRÚC CỦA QPPL

c. Chế tài

❖ Dấu hiệu nhận biết

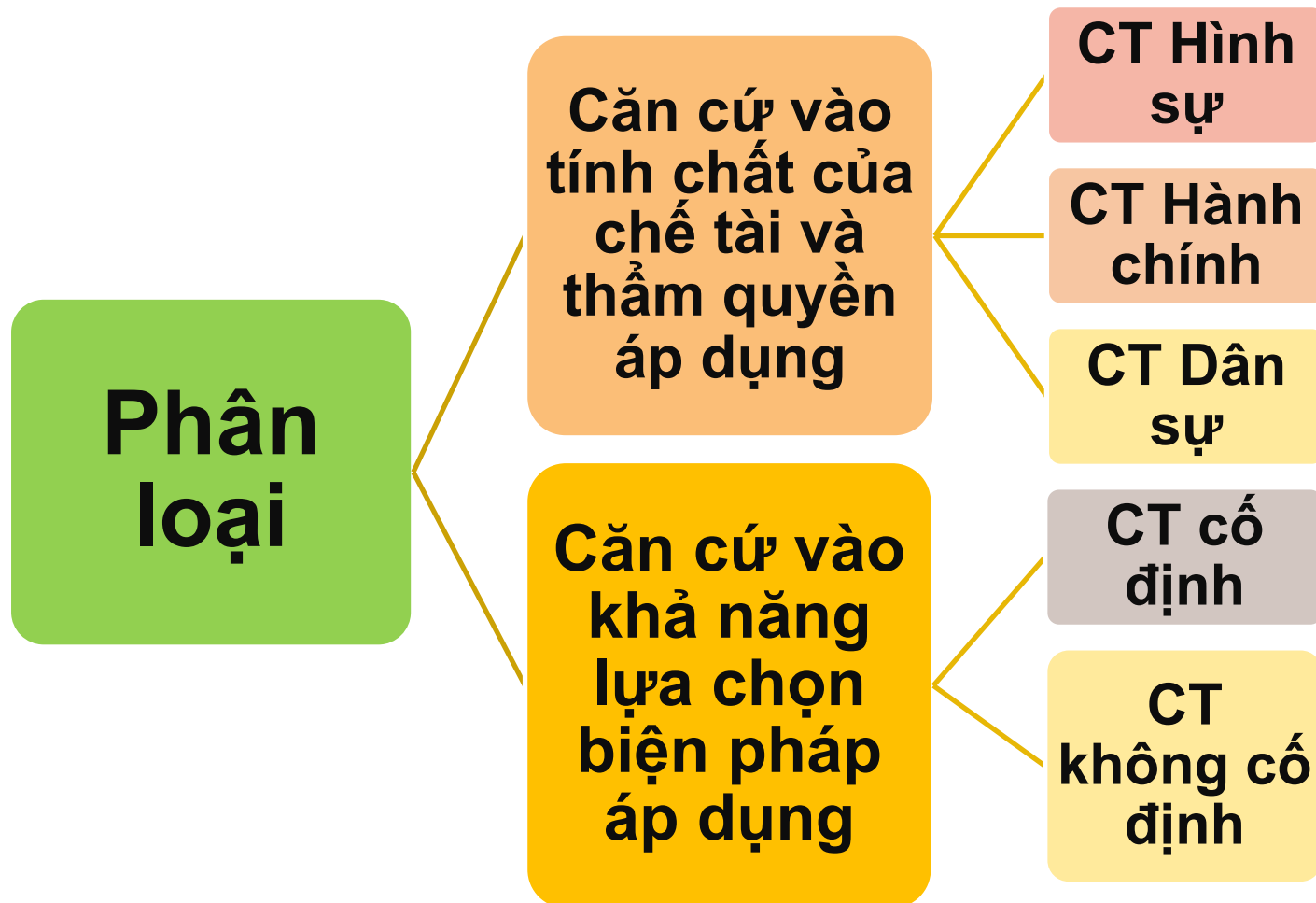
Trả lời câu hỏi:

Chủ thể phải chịu hậu quả gì nếu không thực hiện đúng quy định của quy phạm pháp luật?

Ví dụ: Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm. (**Khoản 1, Điều 155 BLHS 2015**)

1.2. CẤU TRÚC CỦA QPPL

c. Chế tài



MỘT SỐ LƯU Ý

- Một quy phạm pháp luật có thể được trình bày trong một điều luật.
- Trong một điều luật cũng có thể có nhiều quy phạm pháp luật. Trong trường hợp này mỗi phần, mỗi khoản của điều luật được coi là một quy phạm pháp luật độc lập.
- Trật tự trình bày các bộ phận giả định, quy định, chế tài của quy phạm pháp luật có thể bị thay đổi, không nhất thiết phải theo thứ tự là giả định tới quy định, chế tài.
- Một quy phạm pháp luật không nhất thiết phải có đủ cả ba bộ phận giả định, quy định, chế tài trừ giả định là bộ phận không thể thiếu của QPPL. Nếu quy phạm thiếu quy định sẽ được hiểu là quy định ẩn. Nếu quy phạm thiếu chế tài thì chế tài được dẫn chiếu, quy định trong VBQPPL khác.

I. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1.3. Phân loại Quy phạm pháp luật

a. Căn cứ vào đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, QPPL phân chia theo các ngành luật

QPPL hình sự

QPPL dân sự

QPPL hành chính

1.3. PHÂN LOẠI QUY PHẠM PHÁP LUẬT

b. Căn cứ vào nội dung của QPPL

QPPL định nghĩa

- Là QP có nội dung giải thích, xác định một vấn đề nào đó hay nêu lên một khái niệm pháp lý.

QPPL điều chỉnh

- Là QP có nội dung trực tiếp điều chỉnh hành vi của con người hay hoạt động của các tổ chức.

QPPL bảo vệ

- Là QP có nội dung xác định các biện pháp cưỡng chế nhà nước liên quan đến trách nhiệm pháp lý.

1.3. PHÂN LOẠI QUY PHẠM PHÁP LUẬT

c. Căn cứ vào hình thức mệnh lệnh nêu trong QPPL

QPPL dứt khoát

- Là những quy phạm trong đó chỉ quy định một cách xử sự rõ ràng, dứt khoát

QPPL không dứt khoát

- Là quy phạm trong đó nêu lên nhiều cách xử sự cho phép chủ thể lựa chọn một cách xử sự đã nêu

1.3. PHÂN LOẠI QUY PHẠM PHÁP LUẬT

d. Căn cứ theo cách thức thể hiện phần quy định của quy phạm pháp luật

10/25/21

NGUYỄN THỊ LÊ THÚY

QPPL bắt buộc

- Quy định cho chủ thể nghĩa vụ phải thực hiện một số hành vi nhất định

QPPL cấm đoán

- Quy định những hành vi chủ thể không được thực hiện

QPPL cho phép

- Quy định cho các chủ thể có khả năng tự chọn cách xử sự

II. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

2.1. KHÁI NIỆM

Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự theo quy định của pháp luật.

1.2. CÁC LOẠI VBQPPL Ở VIỆT NAM

a. Văn bản luật

b. Văn bản dưới luật

1.4. CÁC LOẠI VBQPPL Ở VIỆT NAM

a. Văn bản luật

- Hiến pháp
- Bộ luật, Luật
- Nghị quyết của Quốc hội

1.4. CÁC LOẠI VBQPPL Ở VIỆT NAM

b. Văn bản dưới luật

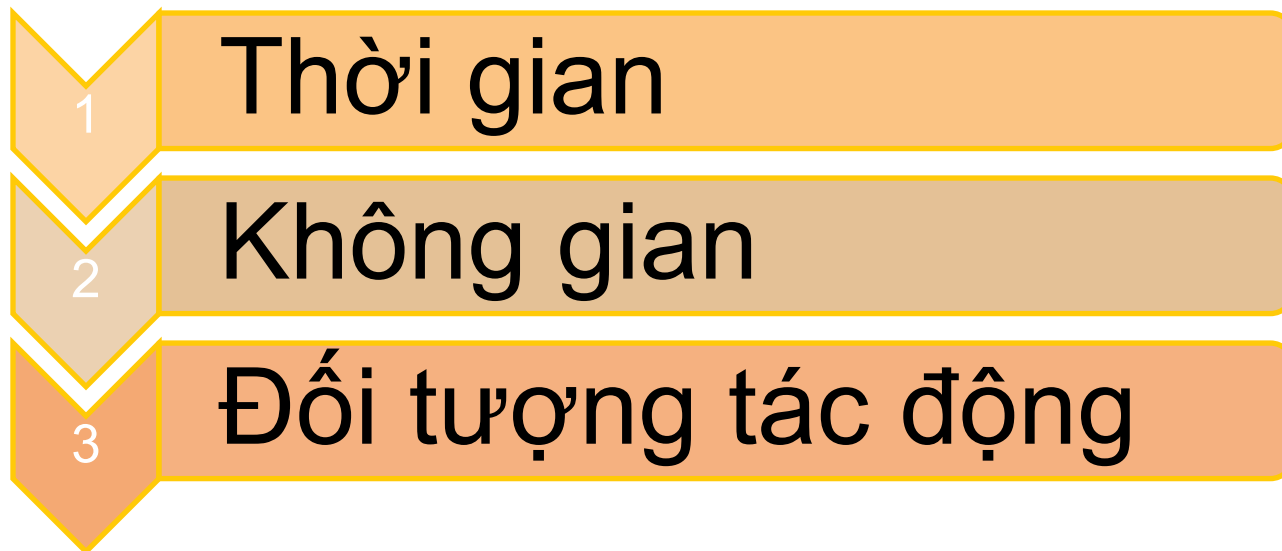
STT	Loại văn bản	Cơ quan có thẩm quyền ban hành
1	Pháp lệnh	UBTVQH
2	Nghị quyết	UBTVQH, HĐTP TANDTC, HĐND các cấp
3	Nghị quyết liên tịch	giữa UBTVQH với Đoàn Chủ tịch UBTVMTTQVN; giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch UBTVMTTQVN
4	Lệnh	Chủ tịch nước
5	Nghị định	Chính phủ
6	Quyết định	Chủ tịch nước, Thủ tướng chính phủ; UBND các cấp; Tổng kiểm toán Nhà nước
7	Thông tư	Chánh án TANDTC; Viện trưởng VKSNDTC, Bộ trưởng, Thủ trưởng CQ ngang bộ
8	Thông tư liên tịch	giữa Chánh án TANDTC với Viện trưởng VKSNDTC; giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng CQ ngang bộ với Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC

10/25/21

NGUYỄN THỊ LỆ THUY

1.5. HIỆU LỰC CỦA VBQPPL

Hiệu lực của VBQPPL được xác định là phạm vi không gian, thời gian và đối tượng mà VBQPPL tác động tới. Được thể hiện dưới ba góc độ:



1.5. HIỆU LỰC CỦA VBQPPL

a. Hiệu lực theo thời gian

Hiệu lực theo thời gian của VBQPPL được xác định từ thời điểm phát sinh cho đến khi chấm dứt sự tác động của văn bản đó.

Ví dụ: Luật Hôn nhân và gia đình 2000, có hiệu lực từ 01/01/2001-31/12/2014.

Luật Hôn nhân và gia đình 2014 có hiệu lực từ 01/01/2015 đến nay.

1.5. HIỆU LỰC CỦA VBQPPL

b. Hiệu lực theo không gian

Là giới hạn phạm vi tác động của VBQPPL về mặt không gian, có thể là toàn bộ lãnh thổ quốc gia, một vùng hoặc một địa phương nhất định.

1.5. HIỆU LỰC CỦA VBQPPL

c. Hiệu lực theo đối tượng tác động

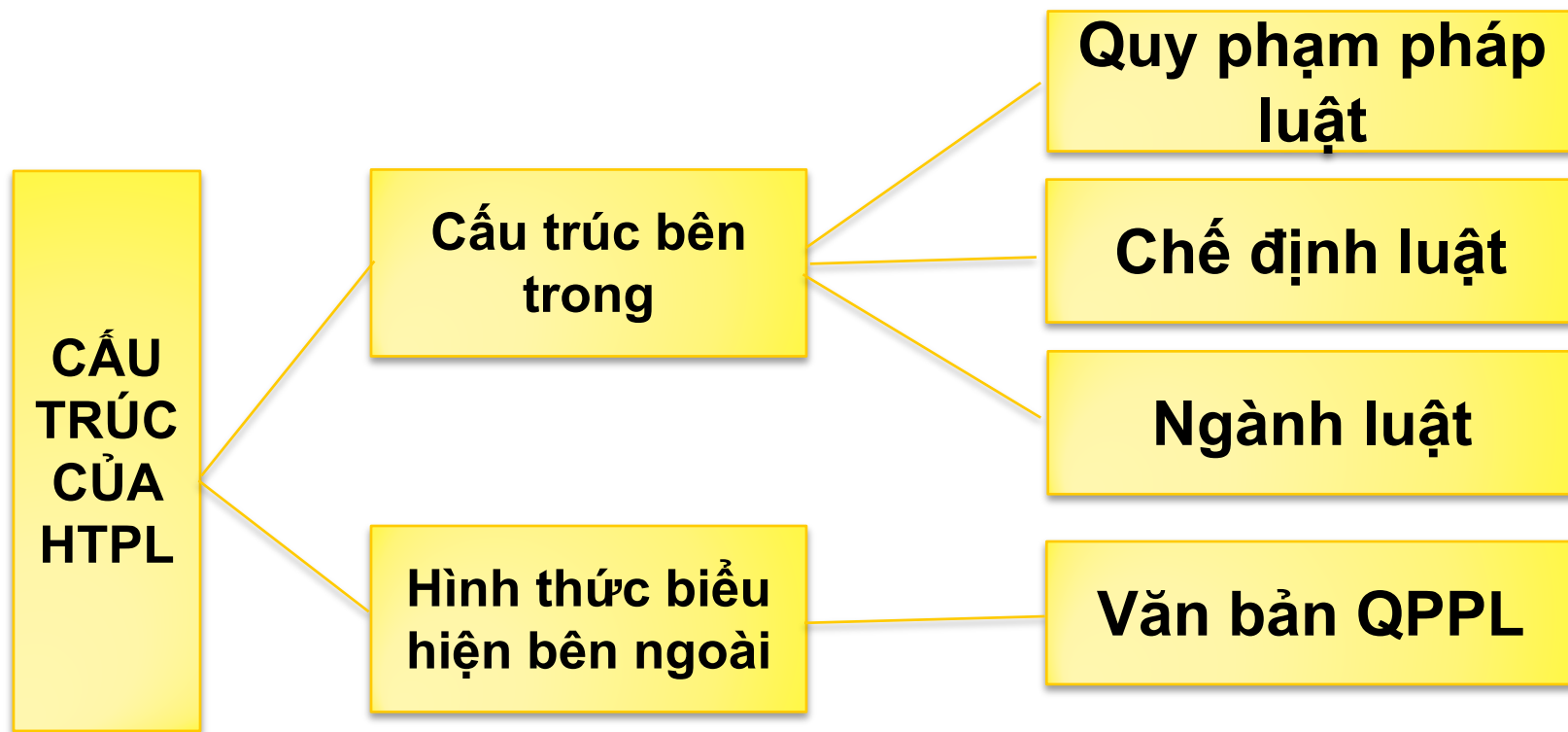
Hiệu lực theo đối tượng tác động là giới hạn phạm vi các cá nhân, tổ chức có trách nhiệm thi hành văn bản.

1.6. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

a. Khái niệm

Hệ thống pháp luật là tổng thể các QPPL, có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau được phân định thành các chế định pháp luật và các ngành luật, được thể hiện trong các văn bản quy phạm pháp luật.

b. Cấu trúc của hệ thống pháp luật



CẤU TRÚC BÊN TRONG CỦA HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Quy phạm pháp luật: Hạt nhân (tế bào) tạo nên hệ thống cấu trúc của pháp luật

Chế định pháp luật: Bao gồm một nhóm các QPPL có những đặc điểm chung giống nhau nhằm điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội tương ứng.

Ngành luật: Bao gồm hệ thống QPPL có đặc tính chung để điều chỉnh các quan hệ xã hội cùng loại trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội.

CÁC CĂN CỨ ĐỂ PHÂN ĐỊNH CÁC NGÀNH LUẬT

Đối tượng điều chỉnh: Những quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh có chung tính chất, phát sinh trong một lĩnh vực nhất định.

Phương pháp điều chỉnh: Cách thức mà nhà nước sử dụng để tác động lên cách xử sự của các chủ thể tham gia vào một quan hệ xã hội nhất định.

c. Tiêu chuẩn để xác định một hệ thống pháp luật hoàn thiện

- ❖ **Tính toàn diện**
- ❖ **Tính đồng bộ**
- ❖ **Tính phù hợp**
- ❖ **Trình độ kỹ thuật pháp lý**